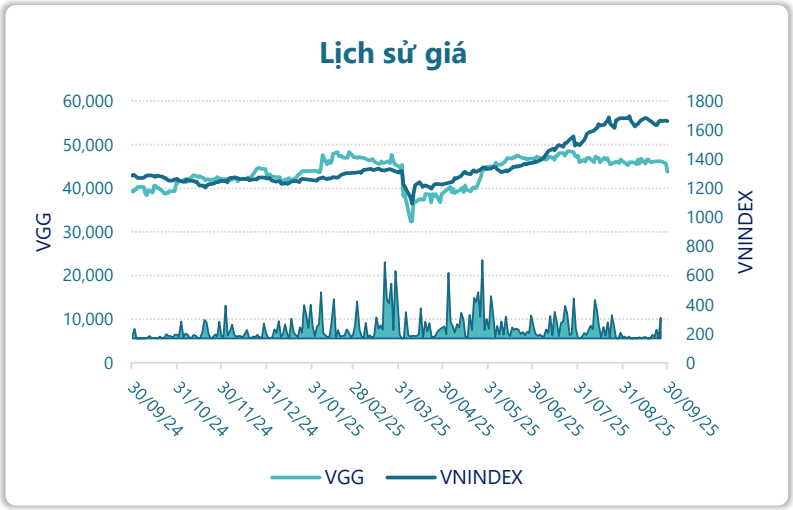
FireAnt

Tổng CTCP May Việt Tiến (UPCOM: VGG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**43,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,408
SL cổ phiếu LH	44,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,195
% sở hữu nước ngoài	15.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,932
P/E	4.8
EPS	9,184

DT thuần

Q3/25

2,722

tỷ VNĐ

QoQ: ▼196| -6.7%

YoY: ▲ 30.0| 1.1%

LN sau thuế

Q3/25

124

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0| 18.6%

YoY: ▲ 3.00| 2.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.5%

DT thuần

9T 2025

7,897

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 273| 3.6%

LN sau thuế

9T 2025

325

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.0| 24.2%

ROE

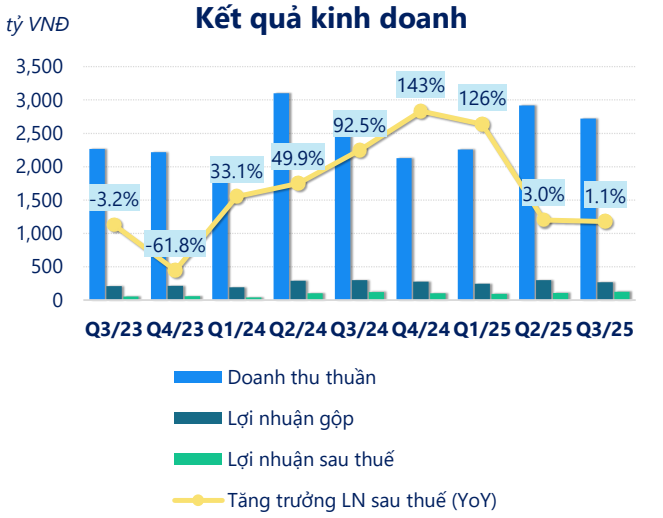
Q3/25

17.8%

+/- YoY: ▲ 2.8%

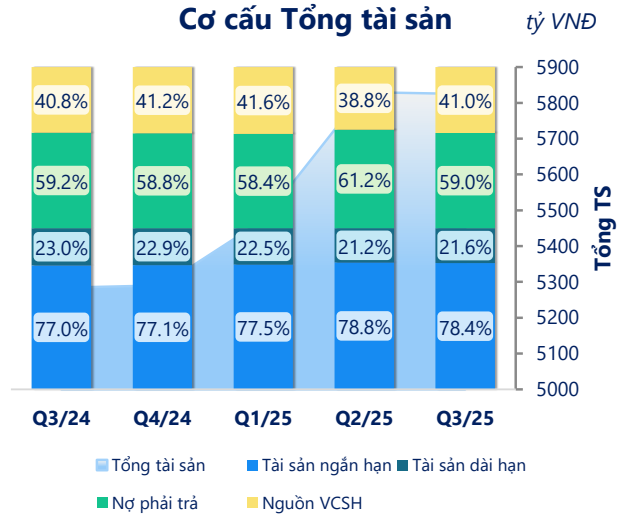
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



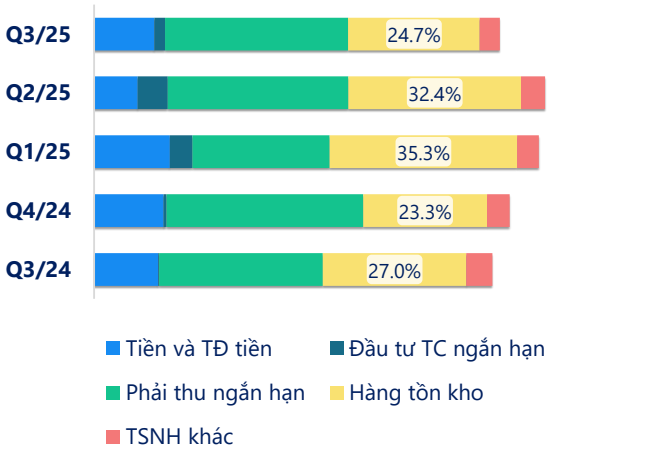
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



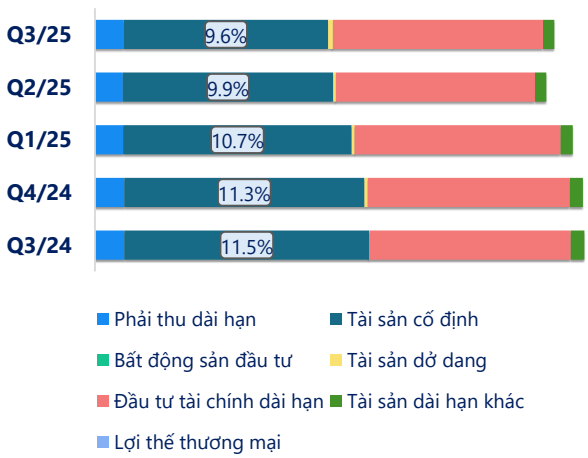
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



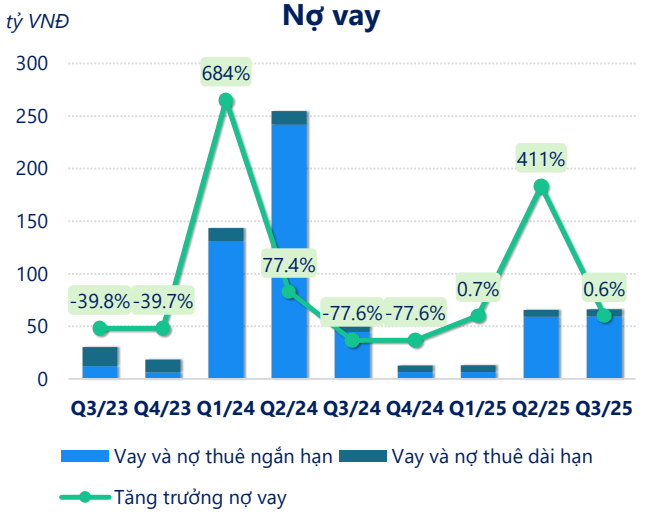
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



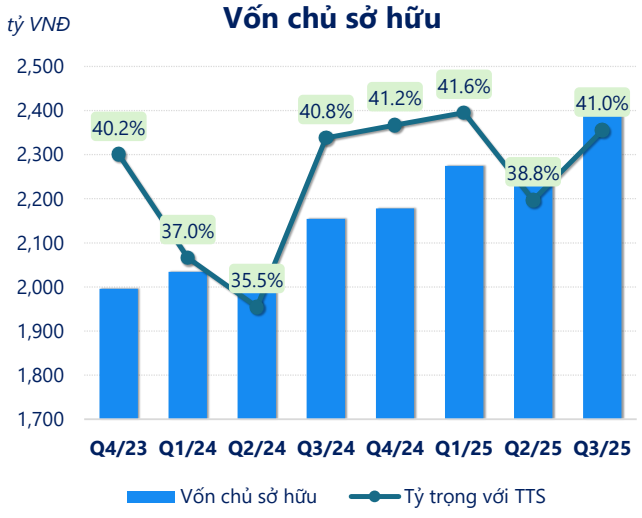
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



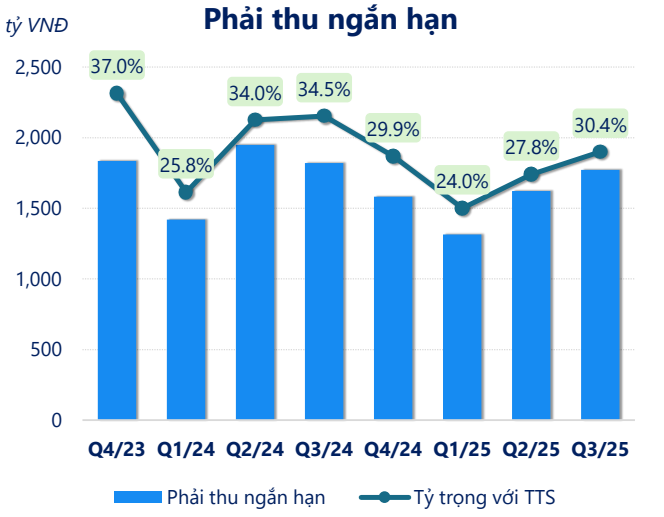
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



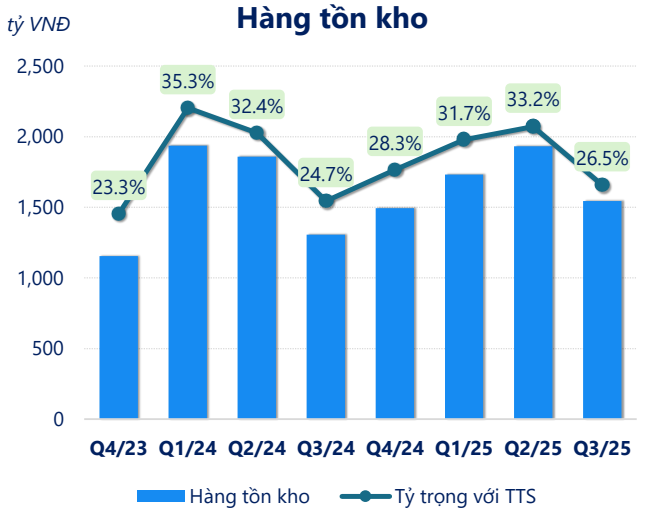
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



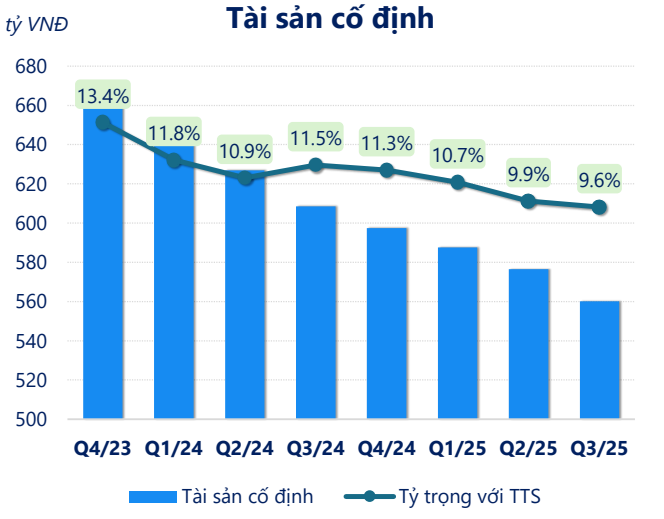
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



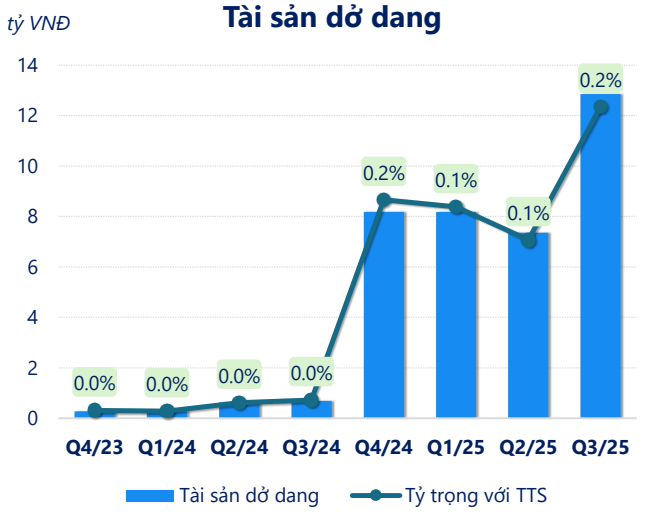
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



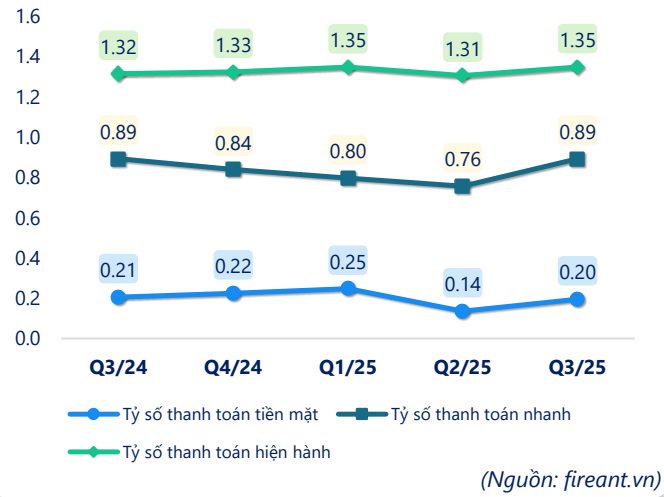
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



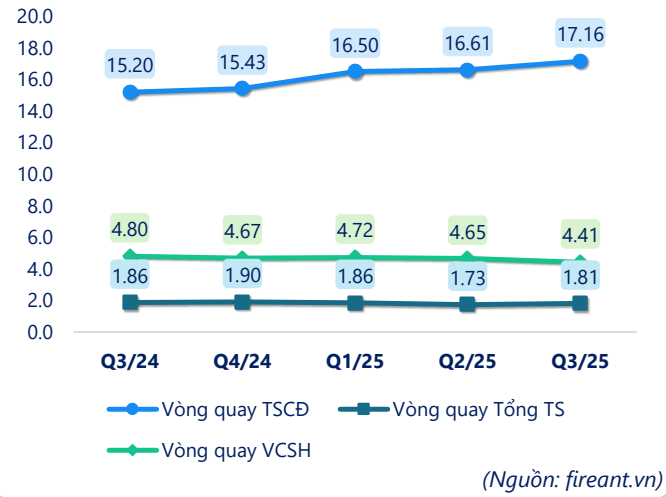
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**5,284**	**5,290**	**5,473**	**5,830**	**5,824**
Tài sản ngắn hạn	**4,068**	**4,077**	**4,243**	**4,593**	**4,567**
Tiền và tương đương tiền	637	691	780	477	662
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	121	215	257	282
Phải thu ngắn hạn	1,820	1,582	1,314	1,623	1,772
Hàng tồn kho	1,306	1,495	1,733	1,933	1,544
Tài sản ngắn hạn khác	199	188	202	302	306
Tài sản dài hạn	**1,216**	**1,213**	**1,230**	**1,237**	**1,258**
Phải thu dài hạn	73.0	72.8	72.7	76.4	78.8
Tài sản cố định	609	597	588	576	560
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.68	8.19	8.19	7.36	12.9
Đầu tư tài chính dài hạn	500	503	530	546	575
Tài sản dài hạn khác	33.5	32.1	31.4	30.8	30.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,129**	**3,112**	**3,199**	**3,566**	**3,436**
Nợ ngắn hạn	**3,091**	**3,076**	**3,148**	**3,516**	**3,386**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.6	6.39	6.43	59.2	59.5
Phải trả người bán ngắn hạn	1,775	1,860	2,085	2,206	2,045
Nợ dài hạn	38.1	36.1	50.3	50.4	50.5
Vay và nợ thuê dài hạn	12.4	6.39	6.43	6.58	6.61
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,154**	**2,178**	**2,275**	**2,264**	**2,388**
Vốn chủ sở hữu	**2,154**	**2,178**	**2,275**	**2,264**	**2,388**
Vốn điều lệ	441	441	441	441	441
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)